

Số: 38 /GPMT-UBND

Kiên Giang, ngày 09 tháng 01 năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Công văn số 175/2023/ASM-ĐT ngày 01 tháng 11 năm 2023 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Sao Mai về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường của cơ sở “Khu nhà ở cao cấp Sao Mai thị trấn Tân Hiệp” và hồ sơ kèm theo.

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 18/TTr-STNMT ngày 08 tháng 01 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty Cổ phần Tập đoàn Sao Mai có địa chỉ tại số 326 Hùng Vương, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở “Chợ Sao Mai thị trấn Tân Hiệp - Khu nhà ở cao cấp Sao Mai thị trấn Tân Hiệp” với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở

1.1 Tên cơ sở: “Chợ Sao Mai thị trấn Tân Hiệp - Khu nhà ở cao cấp Sao Mai thị trấn Tân Hiệp”.

1.2. Địa điểm hoạt động: Tại ấp Đông An, thị trấn Tân Hiệp, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 1600169024 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp lần đầu ngày 05 tháng 03 năm 1997, thay đổi lần thứ 33 ngày 28 tháng 04 năm 2023.

1.4. Mã số thuế: 1600169024.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Cơ sở thuộc loại hình Chợ.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Phạm vi: Cơ sở là hạng mục chợ thuộc Khu nhà ở cao cấp Sao Mai thị trấn Tân Hiệp tọa lạc tại ấp Đông An, thị trấn Tân Hiệp, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

- Quy mô, công suất: Tổng diện tích khu chợ là 5.535 m², bao gồm chợ bách hóa 88 kiot và chợ nông sản 144 kiot.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty Cổ phần Tập đoàn Sao Mai

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Cổ phần Tập đoàn Sao Mai có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp quản lý tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp Giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (từ ngày .09.. tháng 01 năm 2024 đến ngày .09.. tháng 01 năm 2034).



Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân huyện Tân Hiệp tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật. *T.Nhà*

Nơi nhận:

- CT và các PCT.UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường (10 bản);
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Sao Mai;
- UBND huyện Tân Hiệp;
- LĐVP; P.KT, TT.PVHCC;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh Kiên Giang;
- Lưu: VT, ptduy.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



[Handwritten signature]
Nguyễn Thanh Nhân



Phụ lục 1**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 88 /GPMT-UBND ngày 09 tháng 01 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI**1. Nguồn phát sinh nước thải**

Nước thải sinh hoạt và nước thải từ hoạt động kinh doanh buôn bán trong khu chợ.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Nước thải sau khi qua hệ thống xử lý theo công thoát nước chung xả vào kênh 19/5.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Vị trí xả thải: Ấp Đông An, thị trấn Tân Hiệp, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

- Tọa độ vị trí xả nước thải: Điểm tiếp nhận nước thải tại hồ ga công thoát nước chung, tọa độ X = 1119006; Y = 586417 (Theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 104⁰30' múi chiều 3⁰).

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 16 m³/ngày.đêm, tương đương 0,67 m³/giờ.

2.3.1. Phương thức xả nước thải: Tự chảy.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: 24/24 giờ, liên tục các ngày trong năm.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với nước thải (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt - QCVN 14:2008/BTNMT, cột B, hệ số K = 1). Cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ
1	pH	-	5 - 9	06 tháng/lần (cơ sở không thuộc đối)
2	BOD ₅ (20 ⁰ C)	mg/l	50	
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	100	
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	1.000	

5	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	4	tượng phải quan trắc định kỳ, chủ cơ sở đề xuất thực hiện)
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	10	
7	Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N)	mg/l	50	
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	20	
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	10	
10	Phosphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P)	mg/l	10	
11	Tổng Coliforms	MPN/100 ml	5.000	

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

- Hệ thống thu gom nước thải được xây dựng riêng biệt với hệ thống thu gom nước mưa.

- Nước thải phát sinh được thu gom theo tính chất của từng loại nước thải như sau:

+ Nước thải sinh hoạt (Ban quản lý chợ, tiểu thương, khách hàng) → Xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 3 ngăn → Hệ thống xử lý nước thải công suất 16 m³/ngày.đêm.

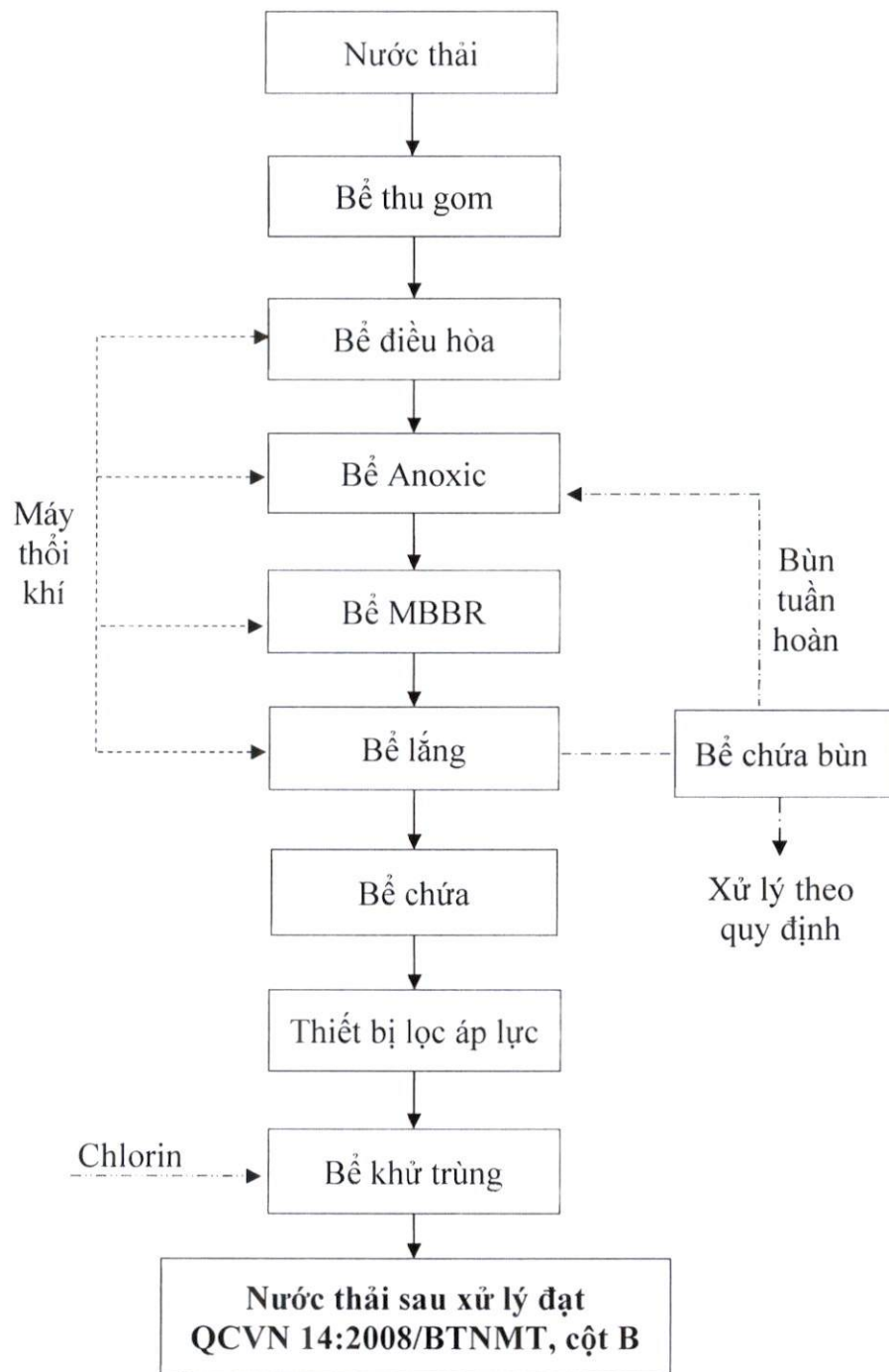
+ Nước thải từ hoạt động kinh doanh, buôn bán → Hệ thống xử lý nước thải công suất 16 m³/ngày.đêm.

- Công trình thoát nước thải: Nước thải → Hệ thống xử lý nước thải → Hồ ga công thoát nước chung → Kênh 19/5.

Nước thải sau xử lý được thoát ra hồ ga công thoát nước chung, theo địa hình tự chảy ra kênh 19/5.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Tóm tắt quy trình công nghệ:



- Công suất thiết kế: 16 m³/ngày.đêm.

- Hoá chất, vật liệu sử dụng: Chlorine, chế phẩm vi sinh, mật rỉ đường.

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Biện pháp phòng ngừa:

+ Đảm bảo vận hành hệ thống theo đúng quy định đã được hướng dẫn.

+ Vận hành và bảo trì các máy móc thiết bị trong hệ thống thường xuyên theo đúng hướng dẫn kỹ thuật.

+ Lập hồ sơ giám sát kỹ thuật các công trình đơn vị, sổ nhật ký vận hành để theo dõi sự ổn định của hệ thống, đồng thời cũng tạo ra cơ sở phát hiện sự cố một cách sớm nhất.

+ Lấy mẫu và phân tích chất lượng mẫu nước sau xử lý định kỳ nhằm đánh giá hoạt động của hệ thống xử lý.

+ Khi HTXLNT gặp sự cố, nước thải sẽ được lưu chứa tại bể điều hòa của HTXLNT, thể tích bể 32,4 m³ có chứa nước thải phát sinh trong 02 ngày.

- Biện pháp xử lý: Vận hành hệ thống xử lý nước thải trong thời gian dài có thể phát sinh một số sự cố hỏng hóc kỹ thuật, do rò rỉ hóa chất xử lý, do hiệu suất xử lý không đảm bảo dẫn đến hiệu quả xử lý các chỉ tiêu không đạt yêu cầu. Khi xảy ra sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải, chủ cơ sở sẽ thực hiện các phương án khắc phục và giảm thiểu các tác động có hại tới môi trường:

+ Tạm dừng hệ thống xử lý nước thải để khắc phục sự cố.

+ Thực hiện các hành động xử lý tạm thời, cần thiết để giảm thiểu ô nhiễm.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Sau khi được cấp Giấy phép môi trường khoảng 20 ngày thì chủ cơ sở sẽ tiến hành vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải tại cơ sở, thời gian vận hành thử nghiệm khoảng 3 tháng, dự kiến như sau:

Công trình xử lý chất thải	Thời gian bắt đầu	Thời gian kết thúc	Công suất dự kiến đạt được tại thời điểm kết thúc giai đoạn vận hành thử nghiệm
HTXLNT công suất 16 m ³ /ngày.đêm	Tháng 01/2024	Tháng 04/2024	70%

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: hệ thống xử lý nước thải 16 m³/ngày.đêm.

TT	Số lần	Vị trí lấy mẫu	Số lượng mẫu	Thông số giám sát	Quy chuẩn so sánh
1	Lần 1	Nước thải đầu vào HTXLNT	01 mẫu đơn	pH, BOD ₅ , TSS, TDS, Sunfua, Amoni, Nitrat, Phosphat, Dầu mỡ động thực vật, Tổng các chất hoạt động bề mặt, Tổng Coliforms	QCVN 14:2008/ BTNMT, cột B
		Nước thải đầu ra HTXLNT	01 mẫu đơn		
2	Lần 2	Nước thải đầu ra HTXLNT	01 mẫu đơn		
3	Lần 3	Nước thải đầu ra HTXLNT	01 mẫu đơn		

Thời gian quan trắc nước thải sẽ được đề xuất cụ thể tại Văn bản thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của cơ sở và gửi đến cơ quan có chức năng để phối hợp kiểm tra, giám sát quá trình vận hành thử nghiệm theo đúng quy định pháp luật hiện hành.

2.3. Tần suất lấy mẫu (ghi rõ tần suất theo quy định): 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định hệ thống xử lý nước thải.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường./.



Phụ lục 2**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 38 /GPMT-UBND ngày 09 tháng 01 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung**

Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung của cơ sở chủ yếu từ con người và phương tiện giao thông vận chuyển hoạt động trong khu chợ và từ quá trình vận hành máy móc tại hệ thống xử lý nước thải.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

Chợ Sao Mai thị trấn Tân Hiệp thuộc Khu nhà ở cao cấp Sao Mai thị trấn Tân Hiệp tại ấp Đông An, thị trấn Tân Hiệp, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn, độ rung**3.1. Tiếng ồn:**

Giới hạn tiếng ồn đảm bảo theo QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức ồn cho phép (dBA)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

Độ rung phải đảm bảo theo QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	60	55	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG**1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung**

Tiếng ồn, độ rung phát sinh tại cơ sở chủ yếu từ các phương tiện ra vào và các máy móc thiết bị vận hành hệ thống xử lý nước thải. Để giảm thiểu các tác động này, cơ sở đã áp dụng các biện pháp như sau:

+ Đề ra các nội quy về hoạt động ra vào của các phương tiện trong khu vực cơ sở, hạn chế ùn tắc giao thông và tiếng ồn vào giờ cao điểm hoặc giờ nghỉ ngơi.

+ Cấm các phương tiện vận tải hạng nặng vượt quá trọng tải của đường giao thông ra vào cơ sở.

+ Hạn chế hoạt động của các phương tiện sau 22 giờ.

+ Ban Quản lý chợ đã được thành lập để đảm bảo tình hình trật tự trong khu vực chợ, giải quyết các tranh chấp do việc mua bán hàng hóa.

+ Bố trí khu vực bãi giữ xe cho khách ra vào chợ.

+ Hệ thống xử lý nước thải được xây dựng kín, các nắp thăm kín, có nhà điều hành các máy móc, thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn ra bên ngoài.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Mục A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung./.

Phụ lục 3**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 38 /GPMT-UBND ngày 09 tháng 01 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh**

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên

Các loại chất thải nguy hại (CTNH) có thể phát sinh gồm:

TT	Tên CTNH	Mã CTNH	Trạng thái
1	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	Rắn
2	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	Lỏng
3	Các chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu ở các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	Rắn
4	Pin, ắc quy thải	16 01 12	Rắn
5	Bao bì cứng thải bằng nhựa	18 01 03	Rắn
6	Thủy tinh, nhựa và gỗ thải có chứa hoặc bị nhiễm các thành phần nguy hại	11 02 01	Rắn

Ước tính tổng lượng CTNH phát sinh tại cơ sở khoảng 30 kg/năm.

1.2. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh

Tổng khối lượng chất thải rắn sinh hoạt (CTRSH) phát sinh tại cơ sở khoảng 200 - 300 kg/ngày.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại**2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại**

2.1.1. Thiết bị lưu chứa:

- Bố trí 03 thùng chứa loại 120L có nắp đậy và 02 thùng nhựa 20L để lưu chứa chất thải.

- Các thiết bị lưu chứa chất thải phải đảm bảo các quy định tại khoản 5 Điều 35 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2.1.2. Kho/khu vực lưu chứa trong nhà:

- Kho chứa chất thải nguy hại có diện tích 2,25 m² (1,5 m x 1,5 m), đặt ở khu vực hệ thống xử lý nước thải của cơ sở.

- Kho được xây dựng nền chống thấm, có vách tole bao quanh, có cửa đóng kín, có gờ ngăn chất thải chảy tràn ra ngoài. Bố trí bình chữa cháy cầm tay, vật liệu hấp thụ (cát) và xẻng để ứng phó khi xảy ra sự cố cháy nổ, tràn đổ.

- Khu vực chứa chất thải nguy hại phải đáp ứng các yêu cầu theo quy định tại khoản 6 Điều 35 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Hợp đồng với đơn vị có đủ chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại theo đúng quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

2.2.1. Thiết bị lưu chứa:

- Tại mỗi kiot, tiểu thương tự bố trí thùng rác và thực hiện thu gom, phân loại chất thải sinh hoạt tại nguồn theo quy định. Rác sau phân loại được tiểu thương thu gom tập trung vào các thùng rác đã được bố trí tại khu vực lưu chứa:

+ Chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế như: vỏ chai nước, lon nước, giấy, nylon, bao bì bằng giấy,... tiểu thương thu gom và bán cho các cơ sở tái chế.

+ Chất thải rắn sinh hoạt khác như: Túi nilong, nhựa sử dụng 1 lần,... thu gom về khu vực lưu chứa và giao cho đơn vị có chức năng để vận chuyển, xử lý.

+ Chất thải thực phẩm như: Rau củ hư hỏng, phụ phẩm, vảy cá, lá cây, thức ăn thừa, vỏ trái cây,... được thu gom về khu vực lưu chứa và hợp đồng xử lý.

- Bố trí 10 thùng rác dung tích 240 lít có nắp đậy để thu gom lượng rác thải sinh hoạt phát sinh của khu chợ.

2.2.2. Kho/khu vực lưu chứa:

Bố trí điểm tập kết rác thải sinh hoạt với nền bê tông chống thấm có diện tích 10 m² tại khu vực chợ (phía sau nhà vệ sinh công cộng) để thuận tiện cho các tiểu thương tập kết rác và xe thu gom đến lấy rác định kỳ theo hợp đồng.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Khu vực lưu chứa chất thải nguy hại tại cơ sở phải đảm bảo yêu cầu về phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định tại khoản 2, 3 Điều 36 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Đảm bảo nguồn nhân lực, trang thiết bị, công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường.

- Thực hiện chế độ kiểm tra thường xuyên, áp dụng phương án, biện pháp quản lý, kỹ thuật nhằm loại trừ, giảm thiểu nguy cơ xảy ra sự cố môi trường./.